

Bản án số: 24 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Thoảng là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:** Bà Lê Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 329/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Ông Trần Quang P, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Quang P tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Số A, quyển số 01/2014). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 12/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hợp tính tình, quan điểm sống, ông Trần Quang P có qua lại với một người phụ nữ khác. Bà xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng không còn tình cảm và đã không còn chung sống với nhau hơn một năm. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quang P.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên **Trần Quang Phước T**, sinh ngày 06/3/2015. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông **Trần Quang P** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 6/2024.

Về tài sản chung: Bà **Nguyễn Thị H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà **Nguyễn Thị H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông **Trần Quang P**:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông **Trần Quang P** không có mặt tại Tòa án và không có bản khai gửi Tòa án. Sau khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng ông **P** vẫn vắng mặt.

* *Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị H**.

Bà **Nguyễn Thị H** được ly hôn với ông **Trần Quang P**.

Giao cháu **Trần Quang Phước T** cho bà **Nguyễn Thị H** nuôi dưỡng và ông **Trần Quang P** phải cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Các đương sự phải án phí theo quy định của pháp luật.

Về kiến nghị khắc phục: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn là ông **Trần Quang P** hiện cư trú tại **tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Bị đơn là ông **Trần Quang P** đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Trần Quang P**.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang P tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang P là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đồng thời, ông P còn có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác từ đó giữa vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đ ly hôn với ông P. Đối với ông P, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần mời ông P đến Tòa án để hòa giải nhưng ông P không đến, cũng như tại phiên tòa hôm nay ông P vắng mặt, điều này thể hiện ông P không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặc khác, năm 2016 bà H đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, sau khi được Thẩm phán hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay bà H tiếp tục làm đơn ly hôn.

Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H xác định bà và ông P không sống chung với nhau gần được một năm, không còn tình cảm với nhau. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Quang P.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng có 01 con chung là rằn Quang Phước T, sinh ngày 06/3/2015. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, giao con cho ai trông nom nuôi dưỡng phải đảm bảo về mọi mặt cho con, hiện nay cháu T đang ở với bà H, bà H hiện nay đang làm giáo viên dạy học tại Trung tâm, thu nhập ổn định. Đồng thời, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, cần giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà H về việc buộc ông Trần Quang P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi của bà H thì thấy phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

[4.1] Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4.2] Ông Trần Quang P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Quang P về việc ly hôn và nuôi con chung.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Quang P.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Quang Phước T, sinh ngày 06/3/2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Quang P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Quang P không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông Trần Quang P còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

5.1. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) theo biên lai thu số 0001887 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5.2. Ông Trần Quang P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông **Trần Quang P** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Thuận Phước;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

